TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **119**/2022/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 25 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh La Minh K, sinh năm 1993;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 2000;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh La Minh K và chị Hoàng Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2018 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 25 tháng 12 năm 2018 cho anh La Minh K và chị Hoàng Thị N không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu La Hoàng P, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2017 cho anh La Minh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị

N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu La Hoàng P, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị Nhuần có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh La Minh K nếu chị Hoàng Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng chị Nhuần còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, đất đai chung: Anh La Minh K và chị Hoàng Thị N xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh La Minh K và chị Hoàng Thị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh La Minh K tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004716, ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại anh La Minh K số tiền là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Hoàng Thị N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND x.Vĩnh Phúc, h.Bắc Quang t.Hà Giang (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền